

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua các Hợp đồng ủy quyền xử lý nợ giữa NCB và AMC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB);
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị NCB;
- Căn cứ Nghị quyết số 518/2026/NQ-HĐQT ngày 28/04/2026 của HĐQT về việc Chủ trương phân tách danh mục khoản nợ trong công tác xử lý, thu hồi nợ tại NCB (sau đây gọi tắt là Nghị Quyết 518/2026);
- Căn cứ Tờ trình số 37/2026/TTr-AMC ngày 25/05/2026 của Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Quốc Dân (AMC) về việc phê duyệt các Hợp đồng ủy quyền xử lý nợ giữa NCB và AMC và các tài liệu kèm theo;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu số: 759/2026/BBKP-HĐQT ngày 25/06/2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung các Hợp đồng ủy quyền giữa NCB và AMC sau đây:

- 1.1. Hợp đồng nguyên tắc ủy quyền Xử lý nợ;
- 1.2. Hợp đồng ủy quyền tổ tụng, thi hành án;
- 1.3. Hợp đồng ủy quyền ngoài tổ tụng, thi hành án.

(Các Hợp đồng ủy quyền giữa NCB và AMC nói trên sau đây được gọi tắt là các Hợp đồng, được ban hành đính kèm Nghị Quyết này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- 2.1. Yêu cầu AMC thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung quy định tại các Hợp đồng, tuân thủ quy định của Pháp luật, quy định của NCB và phê duyệt của các cấp thẩm quyền NCB;
- 2.2. Giao Tổng giám đốc NCB:
 - a. Tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại các Hợp đồng, ký kết các văn bản liên quan trong thẩm quyền của mình theo Quy định của NCB và của pháp luật;
 - b. Tổ chức thực hiện việc chuyển giao các Khoản nợ sang AMC theo chủ trương phân tách danh mục Khoản nợ đã được HĐQT phê duyệt theo Nghị quyết số 518/2026 đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của NCB, Ngân hàng Nhà nước và pháp luật và ký kết các văn bản có liên quan;

- c. Xem xét, quyết định và tổ chức thực hiện chuyển giao các Khoản nợ khác ngoài phạm vi quy định tại Nghị quyết số 518/2026 sang AMC căn cứ tình hình xử lý nợ thực tế của NCB trong từng thời kỳ, đảm bảo hiệu quả xử lý nợ, tuân thủ đầy đủ các quy định của NCB, Ngân hàng Nhà nước và pháp luật và ký kết các văn bản có liên quan.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 26 /06/2026. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai Nghị quyết này.

Nơi nhân:

- HĐQT, BKS (để b/c);
- TGĐ, AMC, K. QTRR, K. PCTT, K. QTTC (để t/h);
- Lưu Văn thư, VPHĐQT.



CHỦ TỊCH HĐQT
Bùi Chí Thanh Hương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN

(Số: 761/2026/HĐUQ/NCB-AMC)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư 31/2025/TT -NHNN ngày 30/09/2025 của Ngân hàng Nhà nước;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Quốc Dân;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Quốc Dân;
- Căn cứ Nghị quyết số: 160/2026/NQ-HĐQT ngày 26/06/2026 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) về việc thông qua Hợp đồng ủy quyền này;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của mỗi bên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 06 năm 2026, chúng tôi gồm có:

BÊN A: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC DÂN

Trụ sở : Số 25 Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại : Fax:

Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp: 1700169765

Đại diện : Bà **BÙI THỊ THANH HƯƠNG**

CCCD số : 036180006173 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/07/2021

Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Sau đây gọi tắt là "Bên A" hoặc "NCB")

BÊN B: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN NGÂN HÀNG QUỐC DÂN

Địa chỉ : 28C – 28D phố Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Điện thoại : Fax:

Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp:

Đại diện : Ông **Lê Viết Phúc**



Handwritten signature in blue ink.

Chức vụ : Giám đốc

(Sau đây gọi tắt là “Bên B” hoặc “AMC”)

Sau khi trao đổi, thỏa thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng ủy quyền (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung và phạm vi ủy quyền

NCB đồng ý ủy quyền cho AMC được đại diện NCB thực hiện các công việc liên quan đến công tác xử lý, thu hồi nợ xấu, nợ quá hạn đối với Khách hàng của NCB (Sau đây gọi là “Khách Hàng”), bao gồm nhưng không giới hạn trong các công việc sau đây:

1.1 Làm việc với cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan Nhà nước có liên quan trong quá trình thực hiện các công việc, cụ thể:

- a) Trực tiếp làm việc với Khách Hàng, bên bảo đảm, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình xử lý, thu hồi các khoản nợ của Khách Hàng (bao gồm cả các hoạt động liên quan đến thu giữ/tiếp nhận và xử lý tài sản bảo đảm);
- b) Tham gia và thực hiện các thủ tục hành chính, và/hoặc bất kỳ thủ tục cần thiết nào khác theo quy định pháp luật liên quan đến công tác xử lý và thu hồi khoản nợ của Khách Hàng (bao gồm cả các hoạt động liên quan đến thu giữ/tiếp nhận và xử lý tài sản bảo đảm);

1.2 Đàm phán, ký, ký kết, triển khai thực hiện các văn bản sau:

- a) Văn bản xác minh/đề nghị xác minh tình trạng công tác, Văn bản xác minh/đề nghị xác minh tình trạng cư trú gửi đến Khách Hàng, bên bảo đảm, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan;
- b) Văn bản/Thông báo thu hồi nợ, Văn bản/Thông báo yêu cầu bàn giao tài sản/Thông báo thu giữ và xử lý tài sản bảo đảm, biên bản làm việc, văn bản về việc niêm yết/công khai thông tin thu giữ/xử lý tài sản bảo đảm và các văn bản khác liên quan đến quá trình thu giữ và xử lý tài sản bảo đảm;
- c) Văn bản/Thông báo nợ, Giấy giới thiệu, Giấy mời làm việc, Biên bản làm việc với Khách Hàng, bên bảo đảm, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan; Văn bản đề nghị tạm phong tỏa/phong tỏa số dư tài khoản thanh toán; Văn bản đề nghị chấm dứt tạm khóa/giải tỏa số dư tài khoản thanh toán; các thông báo/văn bản/công văn liên quan đến hoạt động xử lý nợ;
- d) Thông báo kết quả và thời gian thực hiện phương án xử lý nợ đã được cấp có thẩm quyền của AMC/ NCB phê duyệt;

- e) Hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản và văn bản liên quan đến bán đấu giá tài sản bảo đảm của NCB với Tổ chức bán đấu giá tài sản để bán đấu giá tài sản bảo đảm sau khi đã được Cấp có thẩm quyền AMC/NCB phê duyệt phương án bán đấu giá tài sản, bao gồm nhưng không giới hạn các loại hợp đồng: Hợp đồng thuê dịch vụ Lập vi bằng; Hợp đồng thuê dịch vụ bán đấu giá tài sản, Hợp đồng thuê dịch vụ trông giữ tài sản bảo đảm trước khi giao tài sản bảo đảm cho khách hàng trúng đấu giá; Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá với khách hàng trúng đấu giá (nếu có) và các văn bản, hợp đồng thỏa thuận khác có liên quan theo quy định của pháp luật sau khi được cấp thẩm quyền AMC/NCB phê duyệt;
- f) Hợp đồng dịch vụ và văn bản liên quan đến việc thẩm định giá tài sản bảo đảm giữa NCB và Tổ chức thẩm định giá độc lập sau khi được Cấp có thẩm quyền AMC/NCB phê duyệt phương án đồng ý cho lựa chọn Tổ chức thẩm định giá độc lập;
- g) Hợp đồng chuyển nhượng tài sản với Bên nhận chuyển nhượng và các văn bản, giấy tờ khác có liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản, sang tên tài sản cho Bên nhận chuyển nhượng sau khi đã được Cấp có thẩm quyền AMC/NCB phê duyệt phương án bán tài sản;
- h) Hợp đồng, thỏa thuận thuê tài sản, sử dụng dịch vụ phục vụ cho hoạt động quản lý và xử lý nợ; các hợp đồng, thỏa thuận khác để phục vụ cho hoạt động xử lý nợ của AMC theo quy định của pháp luật;
- i) Thực hiện các công việc khác liên quan đến quá trình thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận, văn bản nêu tại Khoản 1.2 này (ký văn bản sửa đổi bổ sung, gia hạn, thanh lý, chấm dứt, ...), bao gồm nhưng không giới hạn: Thông báo nhắc nợ; Thông báo/Quyết định/văn bản về việc thu hồi nợ, thu giữ, xử lý TSBĐ, Thông báo/Văn bản liên quan đến thủ tục giải chấp TSBĐ và/hoặc xuất trả TSBĐ cho Khách Hàng; các Thông báo khác tới Khách Hàng liên quan đến nội dung, phương án xử lý nợ, xử lý TSBĐ đã được phê duyệt; Các biên bản làm việc trong công tác xử lý nợ, xử lý TSBĐ của Khách Hàng;
- j) Thông báo/Văn bản gửi đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến công tác xử lý nợ, xử lý TSBĐ của Khách Hàng sau khi được cấp có thẩm quyền AMC phê duyệt;

016976
KHÁCH HÀNG
MẠI CỔ P
IỐC DÂN
PHỐ H

- k) Hợp đồng, giao dịch mua/bán nợ và các văn bản, tài liệu liên quan giữa NCB với Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và/hoặc tổ chức mua bán nợ khác sau khi được cấp thẩm quyền của NCB/AMC phê duyệt;
- l) Ký duyệt các báo cáo định kỳ liên quan đến công tác xử lý nợ, thu hồi nợ, nhận và quản lý tài sản bảo đảm là trái phiếu VAMC và báo cáo khác theo quy định/hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định của NCB trong phạm vi nghiệp vụ xử lý, thu hồi nợ.

Điều 2. Trách nhiệm của Bên được ủy quyền

- 2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ công việc được ủy quyền trên cơ sở đảm bảo sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời tuân thủ quy định pháp luật và quy định của Hợp đồng ủy quyền này;
- 2.2. Bên được ủy quyền độc lập và tự chịu trách nhiệm và có trách nhiệm cuối cùng về kết quả công việc trước Bên ủy quyền và pháp luật về việc thực hiện các công việc được ủy quyền bao gồm cả việc thực hiện các công việc của Bên được ủy quyền lại;
- 2.3. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tất cả các công việc trong phạm vi Hợp đồng ủy quyền này cho Bên ủy quyền;
- 2.4. Trường hợp Bên được ủy quyền không giải quyết hoặc giải quyết chậm trễ các khó khăn, vướng mắc trong phạm vi công việc được ủy quyền dẫn đến ảnh hưởng hoạt động kinh doanh của NCB thì phải chịu trách nhiệm trước Bên ủy quyền.
- 2.5. Khi thực hiện các công việc tại Điều 1, Bên được ủy quyền được sử dụng con dấu của AMC trên các văn bản, tài liệu do mình ký kết;
- 2.6. Bảo mật toàn bộ các thông tin có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng ủy quyền này (ngoại trừ trường hợp cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước để thực hiện công việc được ủy quyền);
- 2.7. Trách nhiệm khác theo quy định của NCB và pháp luật.

Điều 3. Ủy quyền lại

- 3.1. Trong phạm vi được ủy quyền, Bên được ủy quyền chỉ được ủy quyền lại cho cán bộ nhân viên của AMC thực hiện công việc. Phạm vi ủy quyền lại không vượt quá phạm vi công việc mà NCB đã ủy quyền cho AMC đồng thời AMC chịu toàn bộ trách nhiệm trước NCB về mọi hành vi, nghĩa vụ của Bên được ủy quyền lại trong quá trình thực hiện công việc được ủy quyền.

- 3.2. Bên được ủy quyền lại không được tiếp tục ủy quyền lại cho Bên khác thực hiện công việc mà mình được ủy quyền lại.
- 3.3. Việc ủy quyền lại phải được lập thành văn bản. Khi thực hiện các công việc ủy quyền lại tại Điều này, Bên được ủy quyền lại được sử dụng con dấu của AMC trên các văn bản, tài liệu do mình ký kết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

- 4.1. Hợp đồng ủy quyền này có hiệu lực từ ngày ...26/06/2026.....;
- 4.2. Hợp đồng ủy quyền này chấm dứt hiệu lực khi phát sinh một trong các trường hợp sau, tùy thuộc trường hợp nào đến trước:
- a) Do hai bên thỏa thuận hoặc có văn bản khác thay thế/bãi bỏ Hợp đồng ủy quyền này;
 - b) NCB có văn bản/thông báo chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng ủy quyền này.
 - c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và quy định của NCB;
- 4.3. Hợp đồng ủy quyền này được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau, 01 (một) bản do Bên ủy quyền giữ, 01 (một) bản do Bên được ủy quyền giữ. *et*

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC DÂN

**CÔNG TY TNHH QL & KTTS
NGÂN HÀNG QUỐC DÂN**



CHỦ TỊCH HĐQT
Bùi Thị Thanh Hương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN

V/v Tham gia tổ tụng, thi hành án

(Số: 760/2026/HĐUQ/NCB-AMC)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư 31/2025/TT -NHNN ngày 30/09/2025 của Ngân hàng Nhà nước;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Quốc Dân;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Quốc Dân;
- Căn cứ Nghị quyết số: 760/2026/NHNN ngày 26/06/2026 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) về việc thông qua Hợp đồng ủy quyền này;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của mỗi bên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 06 năm 2026, chúng tôi gồm có:

BÊN A: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC DÂN

Trụ sở : Số 25 Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại : Fax:

Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp: 1700169765

Đại diện : Bà **BÙI THỊ THANH HƯƠNG**

CCCD số : 036180006173 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/07/2021

Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Sau đây gọi tắt là "Bên A" hoặc "NCB")

BÊN B: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN NGÂN HÀNG QUỐC DÂN

Địa chỉ : 28C – 28D phố Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Điện thoại : Fax:

Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp:



Handwritten signature in blue ink.

Đại diện : Ông Lê Viết Phúc

Chức vụ : Giám đốc

(Sau đây gọi tắt là "Bên B" hoặc "AMC")

Sau khi trao đổi, thỏa thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng ủy quyền (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng") với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung và phạm vi ủy quyền

NCB đồng ý ủy quyền cho AMC được đại diện NCB thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động tố tụng, thi hành án tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện công tác xử lý, thu hồi nợ xấu, nợ quá hạn đối với Khách hàng của NCB, cụ thể:

1.1 Ký các văn bản, giấy tờ sau:

- a) Đơn khởi kiện, Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, Đơn kháng cáo, Đơn yêu cầu trọng tài; Đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; Đơn yêu cầu tạm đình chỉ giải quyết vụ án; Văn bản đề nghị thay đổi/bổ sung/rút đơn/rút một phần yêu cầu khởi kiện/kháng cáo/giám đốc thẩm/tái thẩm tại Tòa án, tổ chức Trọng tài; Đơn đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét lại bản án/quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm/tái thẩm; các văn bản xác minh, thu thập chứng cứ; các văn bản, tài liệu liên quan trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án/vụ việc; Đơn phản tố, báo tin, Đơn yêu cầu độc lập trong vụ việc dân sự; Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản;
- b) Đơn yêu cầu Thi hành án, văn bản đề nghị rút đơn/rút một phần yêu cầu thi hành án; các văn bản về việc nhận lại tiền tạm ứng án phí tại Tòa án/cơ quan thi hành án; các văn bản, công văn trao đổi với cơ quan thi hành án và các cơ quan hữu quan khác về những vấn đề liên quan trong toàn bộ quá trình giải quyết việc thi hành án;
- c) Văn bản đề nghị hoãn thi hành án;
- d) Đơn đề nghị xem xét hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật; Đơn tố giác, Đơn trình báo/báo tin; Đơn khiếu nại, Đơn tố cáo; Đơn rút yêu cầu hoặc thay đổi yêu cầu một phần hoặc toàn bộ nội dung tố giác, trình báo/báo tin; cung cấp, ký các văn bản, hồ sơ, tài liệu; nộp phí theo quy định của pháp luật trong quá trình khiếu nại, tố cáo để xử lý, thu hồi nợ;
- e) Đơn yêu cầu Tòa án áp dụng/tạm dừng/hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời;

- f) Văn bản yêu cầu cơ quan thi hành án áp dụng biện pháp bảo đảm, áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án;
 - g) Các công văn/văn bản trao đổi/kiến nghị với Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan Thi hành án, Cơ quan điều tra và các cơ quan hữu quan khác về những vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nợ; các văn bản và hồ sơ, tài liệu phát sinh trong quá trình làm việc với Cơ quan điều tra và cơ quan tiến hành tố tụng các cấp;
 - h) Các văn bản, giao nhận tiền, tài sản và các tài liệu có liên quan trong quá trình giải quyết việc Thi hành án;
- 1.2 Nộp, gửi các văn bản tại Khoản 1.1 và các văn bản có liên quan trong quá trình giải quyết vụ án;
- 1.3 Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tại các cấp xét xử với tư cách là nguyên đơn/bị đơn/Bên yêu cầu/Bên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để giải quyết các tranh chấp phát sinh liên quan đến hoạt động tố tụng, thi hành án của NCB;
- 1.4 Cung cấp các tài liệu và bằng chứng trước tòa án và tiến hành các công việc, thực hiện các thủ tục cần thiết khác trước tòa án và các cơ quan có thẩm quyền khác nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NCB, cụ thể:
- a) Nộp/nhận lại các loại tiền án phí, tạm ứng án phí, phí, lệ phí,... theo quy định của pháp luật;
 - b) Tham gia và thực hiện các thủ tục trong quá trình thi hành án tại Cơ quan thi hành án, bao gồm cả việc tiến hành các thủ tục bán đấu giá tài sản đảm bảo (trong trường hợp áp dụng) để thu hồi nợ;
 - c) Cung cấp hồ sơ, tài liệu; tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp, Cơ quan trọng tài và các cơ quan tiến hành tố tụng khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự hoặc Bên có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong các vụ án/vụ kiện giữa NCB/VAMC với khách hàng, bên bảo đảm, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan;
 - d) Tham gia và thực hiện các thủ tục trong quá trình giải quyết các vụ việc có dấu hiệu hình sự chuyển Cơ quan tiến hành tố tụng các cấp (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân,...), Bên tiến hành tố tụng; cung cấp hồ sơ, chứng cứ theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

- e) Quyết định các vấn đề trong quá trình làm việc với khách hàng, bên bảo đảm, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan và các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình xử lý và thu hồi khoản nợ theo đúng chỉ đạo/phê duyệt cấp có thẩm quyền của NCB/AMC;
 - f) Tham gia và thực hiện các thủ tục khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật trong quá trình xử lý, thu hồi nợ;
 - g) Thực hiện các công việc khác phát sinh trong quá trình xử lý, thu hồi các khoản nợ đã nêu ở phần trên.
- 1.5 Yêu cầu tòa án, cơ quan thi hành án và các cơ quan/cá nhân có thẩm quyền liên quan khác áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời và thực hiện các thủ tục cần thiết khác hoặc cưỡng chế thi hành án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NCB;
- 1.6 Thực hiện tất cả các quyền, nghĩa vụ tố tụng khác của NCB theo quy định của Pháp luật;
- 1.7 Được toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và quy định của pháp luật có liên quan;
- 1.8 Cung cấp thông tin số tài khoản của NCB để cơ quan thi hành án hoàn trả tiền tạm ứng án phí, tiền được thi hành án hoặc trực tiếp nhận tiền mặt tại Cơ quan Thi hành án.

Điều 2. Trách nhiệm của Bên được ủy quyền

- 2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ công việc được ủy quyền trên cơ sở đảm bảo sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời tuân thủ quy định pháp luật và quy định của Hợp đồng ủy quyền này;
- 2.2. Bên được ủy quyền độc lập và tự chịu trách nhiệm và có trách nhiệm cuối cùng về kết quả công việc trước Bên ủy quyền và pháp luật về việc thực hiện các công việc được ủy quyền bao gồm cả việc thực hiện các công việc của Bên được ủy quyền lại;
- 2.3. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tất cả các công việc trong phạm vi Hợp đồng ủy quyền này cho Bên ủy quyền;
- 2.4. Trường hợp Bên được ủy quyền không giải quyết hoặc giải quyết chậm trễ các khó khăn, vướng mắc trong phạm vi công việc được ủy quyền dẫn đến ảnh hưởng hoạt động kinh doanh của NCB thì phải chịu trách nhiệm trước Bên ủy quyền.
- 2.5. Khi thực hiện các công việc tại Điều 1, Bên được ủy quyền được sử dụng con dấu

của AMC trên các văn bản, tài liệu do mình ký kết;

- 2.6. Bảo mật toàn bộ các thông tin có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng ủy quyền này trừ trường hợp cung cấp thông tin cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện công việc được ủy quyền;
- 2.7. Trách nhiệm khác theo quy định của NCB và pháp luật.

Điều 3. Ủy quyền lại

- 3.1. Trong phạm vi được ủy quyền, Bên được ủy quyền chỉ được ủy quyền lại cho cán bộ nhân viên của AMC thực hiện công việc được ủy quyền. Phạm vi ủy quyền lại không vượt quá phạm vi công việc mà NCB đã ủy quyền cho AMC đồng thời AMC chịu toàn bộ trách nhiệm trước NCB về mọi hành vi, nghĩa vụ của Bên được ủy quyền lại trong quá trình thực hiện công việc được ủy quyền.
- 3.2. Bên được ủy quyền lại không được tiếp tục ủy quyền lại cho Bên khác thực hiện công việc mà mình được ủy quyền lại.
- 3.3. Việc ủy quyền lại phải được lập thành văn bản. Khi thực hiện các công việc ủy quyền lại tại Điều này, Bên được ủy quyền lại được sử dụng con dấu của AMC trên các văn bản, tài liệu do mình ký kết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

- 4.1. Hợp đồng ủy quyền này có hiệu lực từ ngày26/06/2026.....;
- 4.2. Hợp đồng ủy quyền này chấm dứt hiệu lực khi phát sinh một trong các trường hợp sau, tùy thuộc trường hợp nào đến trước:
 - a) Do hai bên thỏa thuận hoặc có văn bản khác thay thế/bãi bỏ Hợp đồng ủy quyền này;
 - b) NCB có văn bản/Thông báo chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng ủy quyền này.
 - c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và quy định của NCB;
- 4.3. Hợp đồng ủy quyền này được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau, 01 (một) bản do Bên ủy quyền giữ, 01 (một) bản do Bên được ủy quyền giữ. *g*

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC DÂN *du*

CÔNG TY TNHH QL & KTTS
NGÂN HÀNG QUỐC DÂN *sl*



CHỦ TỊCH HĐQT
Bùi Thị Thanh Hương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC ỦY QUYỀN XỬ LÝ NỢ

(Số: 763./2026/HDNT.XLN/NCB-AMC)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư 31/2025/TT -NHNN ngày 30/09/2025 của Ngân hàng Nhà nước;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Quốc Dân;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Quốc Dân;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của mỗi bên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 06 năm 2026, chúng tôi gồm có:

BÊN A: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC DÂN

Trụ sở : Số 25 Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại : Fax:

Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp: 1700169765

Đại diện : Bà **BÙI THỊ THANH HƯƠNG**

CCCD số : 036180006173 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/07/2021

Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Sau đây gọi tắt là "Bên A" hoặc "NCB")

BÊN B: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN NGÂN HÀNG QUỐC DÂN

Địa chỉ : 28C – 28D phố Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Điện thoại : Fax:

Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp:

Đại diện : Ông **Lê Viết Phúc**

Chức vụ : Giám đốc

(Sau đây gọi tắt là "Bên B" hoặc "AMC")

Sau khi trao đổi, thỏa thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng nguyên tắc ủy quyền xử lý nợ (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng") với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1.1. NCB: từ viết tắt của "Ngân hàng TMCP Quốc Dân".

- 1.2. *AMC*: từ viết tắt của “Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Quốc Dân”.
- 1.3. *Cấp có thẩm quyền của NCB*: là cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý nợ, chi phí xử lý nợ theo quy định nội bộ của NCB và/hoặc quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.
- 1.4. *Đơn vị trực thuộc tại NCB*: là các đơn vị trực tiếp quản lý thông tin, hồ sơ khách hàng và khoản nợ theo quy định của NCB, phụ thuộc vào mô hình tổ chức của NCB.
- 1.5. *Khoản nợ được chuyển giao (Khoản nợ)*: là (các) khoản nợ quá hạn, khoản nợ xấu phát sinh theo các Hợp đồng cho vay/cấp tín dụng, văn kiện tín dụng mà Khách hàng vay/Bên bảo đảm/Người liên quan có nghĩa vụ phải thanh toán cho NCB và được NCB chuyển giao cho AMC xử lý theo quy định tại Hợp đồng này. Khoản nợ chuyển giao cụ thể xác định theo Thông báo của NCB trong từng thời kỳ.
- 1.6. *Hồ sơ khoản nợ*: là toàn bộ các văn bản, giấy tờ, tài liệu liên quan đến Khoản nợ, TSBD của Khoản nợ hình thành trong quá trình cấp tín dụng và xử lý thu hồi và được chuyển giao cho AMC từng thời kỳ.
- 1.7. *Khách hàng*: là Khách hàng vay hoặc Bên nợ, bao gồm (các) tổ chức/cá nhân đã được NCB cấp tín dụng, có nghĩa vụ thanh toán Khoản nợ.
- 1.8. *Bên bảo đảm*: là (các) tổ chức/cá nhân đã sử dụng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán Khoản nợ đối với NCB. Bên bảo đảm bao gồm bên cầm cố, bên thế chấp, bên đặt cọc, bên ký cược, bên ký quỹ, bên bảo lãnh.
- 1.9. *Tài sản bảo đảm (TSBD)*: là tài sản được dùng để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Khách hàng đối với (các) Khoản nợ.
- 1.10. *Xử lý nợ*: là việc áp dụng các biện pháp, hành động cần thiết nhằm thu hồi Khoản nợ, đảm bảo tối đa quyền và lợi ích của NCB.
- 1.11. *Hai bên*: là NCB và AMC.

ĐIỀU 2. ĐỐI TƯỢNG, TÍNH CHẤT CỦA HỢP ĐỒNG

- 2.1. Hợp đồng này là hợp đồng mang tính nguyên tắc, cơ chế ủy quyền và phối hợp giữa NCB và AMC trong hoạt động xử lý, thu hồi Khoản nợ.
- 2.2. Trường hợp Hai bên ký kết (các) thỏa thuận liên quan đến Khoản nợ cụ thể trong có quy định khác so với thỏa thuận tại Hợp đồng này thì thỏa thuận đối với Khoản nợ cụ thể đó được ưu tiên áp dụng (hiệu lực theo vụ việc).
- 2.3. NCB ủy quyền cho AMC đại diện NCB thực hiện các công việc xử lý/thu hồi đối với Khoản nợ được chuyển giao theo Hợp đồng này. Việc ủy quyền không làm thay đổi tư cách chủ thể của NCB trong (các) quan hệ tín dụng với Khách hàng và không làm phát sinh việc chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ từ NCB sang AMC.

ĐIỀU 3. PHẠM VI, CÔNG VIỆC ỦY QUYỀN

- 3.1. NCB đồng ý ủy quyền cho AMC được đại diện NCB thực hiện các công việc liên quan đến công tác xử lý, thu hồi Khoản nợ, bao gồm nhưng không giới hạn trong các công việc sau đây:

- a. Tiếp nhận các khoản nợ; tiếp nhận, thu giữ TSBĐ của Khoản nợ để xử lý, thu hồi nợ theo quy định của pháp luật;
- b. Quản lý, xử lý nợ đã tiếp nhận thông qua các hình thức: theo dõi, đôn đốc, trực tiếp thu hồi nợ, xử lý TSBĐ để thu hồi nợ; bán nợ cho tổ chức, cá nhân khác và các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật;
- c. Quản lý, xử lý Tài sản bảo đảm thông qua các hình thức: kiểm tra, trông giữ; bán tài sản bảo đảm và các phương thức khác theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo đảm phù hợp quy định pháp luật; khai thác, sử dụng tài sản bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;
- d. Làm việc, đôn đốc trực tiếp với Khách hàng, Bên bảo đảm, Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình xử lý, thu hồi các Khoản nợ và quản lý, xử lý Tài sản bảo đảm.
- e. Thực hiện các hoạt động khác liên quan đến việc tiếp nhận, quản lý, xử lý Khoản nợ, khai thác và xử lý TSBĐ, bao gồm nhưng không giới hạn:
 - Ký các văn bản, tài liệu, thỏa thuận trong quá trình quản lý, xử lý Khoản nợ, khai thác và xử lý TSBĐ bao gồm nhưng không giới hạn:
 - + Thông báo nhắc nợ; Thông báo/Quyết định về việc xử lý tài sản bảo đảm/thu hồi nợ, thu giữ, Thông báo/Văn bản liên quan đến thủ tục giải chấp xử lý tài sản bảo đảm và/hoặc xuất trả xử lý tài sản bảo đảm cho khách hàng; các Thông báo khác tới khách hàng liên quan đến nội dung, phương án xử lý nợ, xử lý tài sản bảo đảm đã được phê duyệt; Các biên bản làm việc trong công tác xử lý nợ, xử lý tài sản bảo đảm của khách hàng; Thực hiện ký các văn bản đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, thông báo xử lý tài sản bảo đảm, quyết định xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi và thực hiện các thủ tục khác tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm và/hoặc tổ chức cá nhân khác có liên quan;
 - + Ký các hợp đồng dịch vụ đấu giá, hợp đồng dịch vụ thẩm định giá, hợp đồng tư vấn, hợp đồng đo đạc, hợp đồng bảo vệ, hợp đồng vận chuyển, hợp đồng xây dựng, hợp đồng cho thuê tài sản, hợp đồng dịch vụ thừa phát lại, vi bằng, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và các hợp đồng, thỏa thuận khác.
 - + Ký các hợp đồng mua bán nợ với Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), ký các hợp đồng mua bán nợ với các tổ chức, cá nhân khác và các văn bản, tài liệu có liên quan.
 - + Ký các báo cáo, thông báo, văn bản, tài liệu liên quan đến hoạt động xử lý nợ gửi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bao gồm nhưng không giới hạn: Tòa án, thi hành án, công an, viện kiểm sát, Ngân hàng Nhà nước,...) và các cá nhân, tổ chức khác liên quan trong quá trình xử lý nợ.
 - Triển khai, thực hiện các công việc liên quan đến quản lý, xử lý Khoản nợ, khai thác và xử lý TSBĐ theo các văn bản nêu trên.
- f. Thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động tố tụng, thi hành án:

100
GÃ
NG
UÔ
P

ct

- Ký các văn bản, tài liệu trong quá trình triển khai thực hiện hoạt động tố tụng, thi hành án, bao gồm nhưng không giới hạn các văn bản sau: đơn khởi kiện; đơn yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự; đơn kháng cáo; đơn yêu cầu trọng tài; đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; văn bản sửa đổi, bổ sung, rút toàn bộ hoặc một phần yêu cầu tố tụng; đơn phân tố, yêu cầu độc lập, văn bản cung cấp, xác minh, thu thập chứng cứ; văn bản đề nghị áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời; và các tài liệu, hồ sơ phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án/vụ việc; đơn yêu cầu thi hành án; văn bản rút yêu cầu thi hành án (toàn bộ hoặc một phần); văn bản đề nghị hoãn thi hành án; văn bản yêu cầu áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế thi hành án; văn bản nhận tiền, tài sản và các giấy tờ liên quan trong quá trình thi hành án; đơn tố giác; đơn rút yêu cầu hoặc thay đổi yêu cầu một phần hoặc toàn bộ nội dung tố giác và công văn/văn bản trao đổi, kiến nghị với Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, Cơ quan điều tra và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phục vụ quá trình xử lý, thu hồi Khoản nợ,...
 - Nộp, gửi, nhận hồ sơ, tài liệu tại Tòa án, cơ quan thi hành án và các cơ quan có thẩm quyền khác;
 - Cung cấp hồ sơ, tài liệu, chứng cứ; tham gia phiên tòa, phiên họp; nộp, nhận án phí, tạm ứng án phí, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật; thực hiện thủ tục thi hành án, bao gồm xử lý, phát mại, bán đấu giá tài sản bảo đảm (nếu có); yêu cầu Tòa án, Cơ quan thi hành án hoặc cơ quan có thẩm quyền áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời; yêu cầu áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế thi hành án; Cung cấp thông tin số tài khoản của NCB để cơ quan thi hành án hoàn trả tiền tạm ứng án phí, tiền được thi hành án hoặc trực tiếp nhận tiền mặt tại Cơ quan Thi hành án; thực hiện các thủ tục cần thiết khác nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NCB.
 - Đại diện NCB tham gia tố tụng tại các cấp xét xử với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoặc tư cách khác theo quy định pháp luật;
 - Thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của NCB theo quy định của pháp luật.
 - g. Các công việc khác có liên quan đến việc tiếp nhận, quản lý, xử lý Khoản nợ và khai thác, xử lý TSBĐ của Khoản nợ phù hợp với quy định pháp luật.
 - h. Khi triển khai thực hiện các công việc được ủy quyền theo quy định nêu trên, AMC phải đảm bảo tuân thủ, phù hợp với các nội dung được Cấp có thẩm quyền của NCB phê duyệt.
- 3.2. NCB ủy quyền cho AMC được quyết định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các phương án, biện pháp xử lý nợ đối với các Khoản nợ trong phạm vi và giới hạn thẩm quyền được NCB ủy quyền theo quy định tại Phụ lục 02 kèm theo Hợp đồng này.
- 3.3. NCB ủy quyền cho AMC được quyết định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chi phí xử lý nợ đối với các Khoản nợ trong phạm vi và giới hạn thẩm quyền được NCB ủy quyền theo quy định tại Điều 6 Hợp đồng này.
- 3.4. Đối với các phương án, biện pháp xử lý nợ không thuộc thẩm quyền của AMC tại Phụ lục 02 Hợp đồng này; các chi phí xử lý nợ không thuộc thẩm quyền của AMC

tại Điều 6 Hợp đồng này: AMC có trách nhiệm trình, thực hiện theo phương án, biện pháp, chi phí xử lý nợ được Cấp có thẩm quyền của NCB phê duyệt.

ĐIỀU 4. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực cho đến khi Hai Bên có thỏa thuận chấm dứt và/hoặc NCB quyết định chấm dứt hiệu lực Hợp Đồng này.

ĐIỀU 5. PHÍ DỊCH VỤ, THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

5.1. Phí dịch vụ: được tính toán trên cơ sở kết quả thu hồi nợ và tính chất khoản nợ Theo Phụ lục 01 đính kèm Hợp đồng này.

5.2. Phương thức thanh toán:

Phí dịch vụ sẽ được thanh toán theo phương thức chuyển khoản vào tài khoản của theo đề nghị thanh toán của AMC.

5.3. Thời hạn thanh toán:

a. Phí dịch vụ được tính toán theo kết quả thu hồi nợ xác định tại thời điểm ngày 25 hàng tháng;

b. Việc thanh toán phí dịch vụ sẽ được thực hiện toàn bộ một lần trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày NCB nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán theo quy định tại Phụ lục 01 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 6. THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT CHI PHÍ XỬ LÝ NỢ:

6.1. NCB ủy quyền cho AMC phê duyệt các khoản chi phí xử lý nợ trong phạm vi hạn mức quy định như sau:

a. Duyệt/ ký duyệt tờ trình chủ trương, phê duyệt tạm ứng, thanh toán chi phí tiếp khách liên quan đến hoạt động xử lý nợ đối với các Khoản nợ chuyển giao cho AMC với hạn mức tối đa 30.000.000 VNĐ/lần (*bằng chữ: Ba mươi triệu đồng*) (đã bao gồm các loại thuế).

b. Duyệt/ký duyệt tờ trình chủ trương, phê duyệt tạm ứng, thanh toán chi phí liên quan đến hoạt động xử lý nợ đối với các Khoản nợ chuyển giao cho AMC với hạn mức tối đa 400.000.000 VNĐ/lần (*bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng*) đã bao gồm các loại thuế) đối với các loại chi phí xử lý nợ có thông báo, yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản như: Thuê bảo vệ, thẩm định giá, đấu giá, lập vi bằng, gửi xe, vận chuyển, đo vẽ, bảo dưỡng tài sản, thuê kho bãi... có hóa đơn tài chính.

c. Đối với các khoản chi phí xử lý nợ vượt hạn mức quy định tại Điều này, AMC phải trình và được sự chấp thuận cấp có thẩm quyền của NCB trước khi thực hiện.

6.2. Toàn bộ các chi phí nêu trên do NCB chịu trách nhiệm chi trả cuối cùng theo hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo thông tin mã số thuế của NCB. AMC có quyền chủ động tạm ứng trước các khoản chi phí này để đảm bảo tiến độ xử lý nợ và thực hiện thủ tục hoàn tạm ứng/thanh quyết toán với NCB theo định kỳ hoặc sau khi kết thúc vụ việc. AMC có trách nhiệm theo dõi ngoại bảng toàn bộ các khoản chi phí được thực hiện thanh toán hoặc tạm ứng tại NCB để phục vụ công tác quản lý, đối soát và kiểm soát nội bộ.

- 6.3. Toàn bộ các chi phí liên quan đến chế độ nhân sự và các chi phí hoạt động nghiệp vụ xử lý thu hồi nợ thông thường của AMC (bao gồm nhưng không hạn chế như: lương, phụ cấp, điện thoại, trang bị lao động, công tác phí, phương tiện đi lại ...) do AMC tự chi trả.

ĐIỀU 7. QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

7.1. Quyền, nghĩa vụ của AMC:

- a. Chịu trách nhiệm phổ biến và đảm bảo toàn bộ các đơn vị, cá nhân tham gia hoạt động xử lý thu hồi nợ tại AMC biết và hiểu rõ về nội dung Hợp đồng này.
- b. Có trách nhiệm áp dụng các biện pháp tích cực, đảm bảo lợi ích của NCB để thực hiện thu hồi nhanh chóng các Khoản nợ đã được giao cho AMC.
- c. Chịu trách nhiệm tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật và/hoặc yêu cầu/quy định nội bộ của NCB liên quan đến việc thực hiện xử lý các Khoản nợ được NCB chuyển giao. Đảm bảo an toàn, kiểm soát và quản lý xử lý nợ đối với các khoản nợ được chuyển giao cho AMC.
- d. Chịu trách nhiệm về các quyết định phê duyệt trong phạm vi thẩm quyền được NCB ủy quyền.
- e. Bồi thường thiệt hại nếu vi phạm Hợp đồng gây thiệt hại cho NCB;
- f. Lập phương án, báo cáo, biện pháp xử lý rủi ro, thu hồi nợ... trình Cấp có thẩm quyền tại NCB (trừ các Khoản nợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của AMC tại Phụ lục 02) và thực hiện xử lý thu hồi nợ theo đúng phương án đã được các cấp có thẩm quyền của NCB phê duyệt;
- g. Báo cáo định kỳ và/hoặc đột xuất kết quả xử lý các Khoản nợ; tổng hợp báo cáo kết quả thu hồi nợ theo yêu cầu của NCB. Thông báo kịp thời cho NCB các hoạt động bất thường liên quan tới Khoản nợ được chuyển giao, đặc biệt là khi có dấu hiệu xuất hiện khả năng gây tổn thất cho khoản nợ/tài sản thu nợ của NCB;
- h. Khi hoàn tất công việc, phải chuyển cho NCB tất cả các bản gốc giấy tờ, tài liệu và các chứng từ liên quan đến hồ sơ Khoản nợ để NCB lưu trữ (nếu có);
- i. Giữ bảo mật toàn bộ các thông tin do NCB cung cấp, các thông tin thu thập được và các thông tin khác có liên quan trong khi thực hiện các công việc, ngoại trừ việc cung cấp theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc để phục vụ cho mục đích giải quyết vụ việc tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.
- j. Được ủy quyền lại cho bên thứ ba thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc khi được sự chấp thuận bằng văn bản của NCB. Trường hợp ủy quyền cho cán bộ nhân viên của AMC thực hiện thì không cần phải có sự chấp thuận từ NCB, trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác;
- k. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

7.2. Quyền, nghĩa vụ của NCB:

- a. Kiểm tra, giám sát trong quá trình AMC thực hiện các công việc theo ủy quyền.
- b. Phê duyệt các tờ trình, báo cáo/ phương án, biện pháp xử lý rủi ro, thu hồi nợ của AMC (trừ phạm vi thẩm quyền của AMC theo Phụ lục 02). Phạm vi thẩm quyền

- xác định theo biện pháp và giới hạn thẩm quyền theo từng biện pháp xử lý rủi ro và các văn bản, quy chế thẩm quyền phê duyệt xử lý xử lý rủi ro tín dụng của các cấp phê duyệt xử lý xử lý rủi ro ban hành tại NCB theo từng thời kỳ; các quyết định phê duyệt đồng ý hoặc từ chối phải được thể hiện bằng văn bản.
- c. Được quyền nhận tiền thu hồi nợ hoặc các khoản lợi ích khác phát sinh khi AMC xử lý các khoản nợ được ủy quyền.
 - d. Được quyền theo dõi các khoản đã tạm ứng trước và nghĩa vụ hoàn tạm ứng của AMC;
 - e. Được quyền yêu cầu AMC cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan, báo cáo về nội dung và tình hình hoạt động xử lý thu hồi đối với các Khoản nợ;
 - f. Được quyền quyết định tạm dừng và/hoặc yêu cầu điều chỉnh phương án/biện pháp xử lý nợ trong trường hợp NCB phát hiện có xử lý nợ vượt thẩm quyền mà NCB đã ủy quyền cho AMC theo quy định tại PL02 Hợp đồng này.
 - g. Có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ AMC trong các công việc thủ tục đòi hỏi phải có sự tham gia trực tiếp của NCB;
 - h. Bảo đảm các Đơn vị trực thuộc tại NCB chuyển giao đầy đủ và đúng hạn toàn bộ Hồ sơ khoản nợ theo đúng quy định tại Hợp đồng này; cung cấp và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến Khoản nợ được ủy quyền;
 - i. Các Đơn vị trực thuộc tại NCB thực hiện việc tổ chức, phân công các nhân sự đầu mối để hỗ trợ AMC trong việc thực hiện công tác thu hồi nợ khi cần thiết;
 - j. Thực hiện các thủ tục cần thiết đối với Khách hàng/Bên bảo đảm/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sau khi AMC hoàn tất các thủ tục xử lý, thu hồi Khoản nợ (như: tắt toán thanh lý các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm, giải chấp tài sản bảo đảm, trả lại giấy tờ tài sản);
 - k. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 8. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 8.1. Các Phụ lục, Biên bản bàn giao, các Thông báo, văn bản mà NCB gửi cho AMC liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và không tách rời của Hợp đồng này.
- 8.2. Quy định về chấm dứt và chuyển tiếp:
 - a. Kể từ thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực, Hợp đồng: 1809/2024/HĐNT.XLN/NCB – AMC (“Hợp đồng nguyên tắc số 1809”) ký ngày 30/08/2024 chấm dứt toàn bộ hiệu lực.
 - b. Các Khoản nợ xấu, nợ quá hạn đã được NCB chuyển giao AMC xử lý theo Hợp đồng nguyên tắc số 1809 mà AMC chưa hoàn tất việc xử lý, thu hồi nợ (“Khoản nợ chưa xử lý”) sẽ được thực hiện theo các quy định, thỏa thuận tại Hợp đồng nguyên tắc này mà không cần thực hiện thủ tục chuyển giao lại theo quy định tại Phụ lục 01 Hợp đồng này. Các Văn bản/Thông báo chuyển giao Khoản nợ chưa xử lý được xác

lập trước khi Hợp đồng nguyên tắc này có hiệu lực vẫn được coi là (các) phụ lục không tách rời của Hợp đồng nguyên tắc này.

- c. Các Khoản nợ NCB đã chuyển giao AMC xử lý mà không phải là các khoản nợ theo quy định tại điểm b) Khoản này, nhưng chưa được AMC hoàn tất việc xử lý, thu hồi nợ, AMC có trách nhiệm bàn giao lại cho NCB xử lý.
- 8.3. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng phải được Hai Bên nhất trí thông qua bằng văn bản. Các văn bản sửa đổi, bổ sung này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này.
- 8.4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản chính có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện./.

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC DÂN



CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ NỢ VÀ
KHAI THÁC TÀI SẢN NGÂN HÀNG
QUỐC DÂN

CHỦ TỊCH HĐQT
Bùi Chi Thanh Hương

PHỤ LỤC 01

CHUYỂN GIAO KHOẢN NỢ VÀ PHÍ DỊCH VỤ THU HỒI NỢ

(Kèm theo Hợp đồng nguyên tắc ủy xử lý nợ nợ

Số: 763 /2026/HĐNT.XLN/NCB-AMC)

1. NỘI DUNG XÁC LẬP VÀ THỰC HIỆN CHUYỂN GIAO KHOẢN NỢ

1.1 Xác lập giao dịch:

- 1.1.1 Khi NCB có nhu cầu ủy quyền cho AMC xử lý thu hồi các Khoản nợ, NCB sẽ gửi (các) Thông báo về việc chuyển giao các Khoản nợ ủy quyền cho AMC xử lý hoặc văn bản có tính chất tương tự.
- 1.1.2 Việc ủy quyền xử lý Khoản nợ được coi là chính thức xác lập giữa Hai Bên kể từ thời điểm NCB chuyển giao Khoản nợ theo Thông báo quy định tại Tiết 1.1.1 nêu trên.

1.2 Chuyển giao Khoản nợ được ủy quyền:

- 1.2.1 NCB thực hiện bàn giao Hồ sơ Khoản nợ được ủy quyền cho AMC, bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu sau (chi tiết danh mục hồ sơ có thể có sự khác biệt đối với một số khoản nợ, AMC có thể đưa ra đề nghị điều chỉnh/bổ sung theo từng trường hợp cụ thể):
 - a. Hợp đồng tín dụng, các hợp đồng sửa đổi, bổ sung và phụ lục, các giấy nhận nợ (bản photo hoặc bản Scan);
 - b. Hợp đồng thế chấp/bảo đảm, hợp đồng sửa đổi, bổ sung và phụ lục (bản photo hoặc bản Scan);
 - c. Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm (bản photo hoặc bản Scan);
 - d. Bộ hồ sơ về tài sản bảo đảm (bản photo hoặc bản Scan);
 - e. Tờ trình thẩm định khách hàng (bản photo hoặc bản Scan);
 - f. Phê duyệt khoản vay của cấp có thẩm quyền (bản photo hoặc bản Scan);
 - g. Biên bản làm việc với khách hàng và các bản cam kết của khách hàng (bản photo hoặc bản Scan);
 - h. Thông báo chuyển nợ quá hạn, thông báo thay đổi lãi suất (bản photo hoặc bản Scan);
 - i. Hồ sơ thu giữ tài sản theo hình thức tự nguyện bàn giao hoặc niêm yết thu giữ tại chính quyền địa phương;
 - j. Hồ sơ khởi kiện (Đơn khởi kiện, giấy ủy quyền giải quyết tại tòa án) (bản photo hoặc bản Scan);
 - k. Bản án/Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật (bản photo hoặc bản Scan);
 - l. Hồ sơ Thi hành án (Đơn yêu cầu thi hành án, xác minh điều kiện thi hành án, biên bản làm việc với cơ quan thi hành án, khách hàng, thông báo của cơ quan thi hành án (bản photo hoặc bản Scan);
 - m. Hồ sơ chi phí xử lý nợ tính đến thời điểm bàn giao được ghi nhận trên sổ kế toán của NCB và các chi phí khác chưa được ghi nhận trên sổ kế toán NCB (nếu có);
 - n. Các giấy tờ, tài liệu liên quan khác (nếu có).

- 1.2.2 Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ký kết “Danh sách khoản nợ ủy quyền”, Đơn vị trực thuộc tại NCB (quản lý khoản nợ chuyển giao) có trách nhiệm bàn giao toàn bộ hồ sơ khoản nợ cho AMC. Việc bàn giao hồ sơ giữa Hai Bên phải được lập thành văn bản.
- 1.2.3 Thông báo việc ủy quyền xử lý nợ cho AMC:
Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ký kết “Biên bản chuyển giao khoản nợ”, Đơn vị trực thuộc tại NCB (quản lý khoản nợ chuyển giao) có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Khách hàng vay/Bên bảo đảm/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết.
- 1.2.4 Kể từ thời điểm thực hiện xong các công việc nêu tại điểm 1.2.1 và điểm 1.2.2 khoản 1.2. Điều này, toàn bộ các công việc liên quan đến việc xử lý thu hồi đối với các khoản nợ sẽ do AMC trực tiếp giải quyết. Đơn vị trực thuộc tại NCB chỉ được thực hiện các công việc liên quan đến việc giải quyết xử lý thu hồi theo yêu cầu/đề xuất của AMC (trừ các công việc thuộc thẩm quyền của NCB đã quy định cụ thể tại Hợp đồng này).
- 1.3 Phối hợp thực hiện công việc:**
- 1.3.1 AMC chủ động thực hiện xử lý thu hồi Khoản nợ được chuyển giao;
- 1.3.2 NCB có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ AMC trong các công việc thủ tục đòi hỏi phải có sự tham gia trực tiếp của NCB (ký các giấy tờ thủ tục có liên quan, bao gồm nhưng không hạn chế như: đơn từ, công văn, văn bản ủy quyền...).
- 1.3.3 Đơn vị trực thuộc tại NCB có trách nhiệm cung cấp toàn bộ các bản chính và/hoặc bản sao y các giấy tờ, tài liệu có trong Hồ sơ khoản nợ theo yêu cầu hợp lý của AMC phù hợp với quy định của pháp luật.
- 1.3.4 Đơn vị trực thuộc tại NCB có trách nhiệm phối hợp với AMC trong việc tính toán xác định giá trị các khoản nợ được chuyển giao.
- 1.3.5 Đơn vị trực thuộc tại NCB có trách nhiệm phối hợp với AMC trong việc giải quyết khiếu nại của Khách hàng/Bên bảo đảm/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Khoản nợ được chuyển giao.
- 1.3.6 Khi phát sinh các sự kiện ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện phương án/biện pháp thu hồi nợ, phương án xử lý/khai thác tài sản thu nợ (bao gồm nhưng không hạn chế như: các sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật; sự thay đổi của hệ thống hay quy phạm pháp luật liên quan đến Khoản nợ được ủy quyền; biến động của nền kinh tế, xã hội...), AMC phải thông báo cho NCB biết và đưa ra phương án khắc phục bằng văn bản.
- 1.3.7 Trường hợp AMC phát hiện thấy có những dấu hiệu sai phạm hoặc các tình huống, sự kiện bất thường gây ảnh hưởng xấu đến tài sản/ uy tín/ bí mật/ an toàn cho hệ thống của NCB, AMC phải có trách nhiệm thông báo cho NCB biết, để NCB có biện pháp phòng ngừa, khắc phục.
- 1.3.8 Trường hợp AMC xác định Khoản nợ không còn khả năng thu hồi, AMC phải báo cáo bằng văn bản cho NCB biết, trong đó phân tích chi tiết lý do dẫn đến việc không

thu hồi được nợ và/hoặc lý do không xử lý được tài sản đảm bảo nợ vay để thu hồi nợ, đồng thời đề xuất hướng xử lý cụ thể tiếp theo;

- 1.3.9 Trường hợp AMC muốn thay đổi biện pháp xử lý nợ đã được Hai Bên thống nhất, AMC phải trình xin ý kiến của NCB (ngoại trừ các biện pháp XLN trong phạm vi thẩm quyền của AMC được quy định tại Phụ lục 02), trong đó nêu rõ lý do cần thay đổi và biện pháp xử lý nợ dự định sẽ áp dụng; AMC chỉ được thay đổi biện pháp xử lý nợ sau khi đã được cấp có thẩm quyền NCB phê duyệt thông qua.
- 1.3.10 Việc miễn giảm một số nghĩa vụ cho Khách hàng để phục vụ mục đích thu hồi nợ phải được thực hiện theo các quy định tại Phụ lục 02.
- 1.3.11 Xử lý tiền thu hồi nợ:
- AMC có trách nhiệm hướng dẫn Khách hàng thủ tục thanh toán nợ, việc thanh toán nợ thực hiện theo phương thức thanh toán trực tiếp cho NCB .
 - Trường hợp số tiền thu hồi nợ được thanh toán trực tiếp vào tài khoản của Khách hàng tại NCB, NCB có trách nhiệm thông báo ngay cho AMC.
 - Trường hợp AMC thu nợ được qua số tiền xử lý bán tài sản bảo đảm thì thanh toán qua AMC, AMC có trách nhiệm chuyển số tiền thu hồi được vào tài khoản do NCB chỉ định trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày thu hồi được nợ.

1.4 Báo cáo kết quả thu nợ:

AMC có trách nhiệm tổng hợp, lập và gửi cho NCB báo cáo hoạt động xử lý nợ và kết quả thu hồi nợ trong năm mà AMC đã thực hiện đối với các Khoản nợ NCB chuyển giao. Các báo cáo được gửi định kỳ vào tuần đầu tiên của tháng tiếp theo.


1.5 Chấm dứt Hợp đồng:

Trường hợp chấm dứt hợp đồng, AMC có trách nhiệm phải chuyển giao lại cho NCB toàn bộ bản gốc các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ Khoản nợ đã nhận và các chứng từ thu hồi nợ phát sinh trong quá trình xử lý thu hồi tại AMC (nếu có). Việc chuyển giao bản gốc các tài liệu, giấy tờ và các chứng từ phải được lập thành văn bản có xác nhận của Hai Bên.

ĐIỀU 2: PHÍ DỊCH VỤ

- 2.1 Mức phí dịch vụ được tính toán trên cơ sở số tiền thực thu hồi từ các khoản nợ ủy quyền cho AMC. Mức phí cụ thể do NCB và AMC thống nhất từng thời kỳ và tùy theo tính chất của mỗi khoản nợ nhưng tối đa không quá 3% x (nhân) số tiền thực thu hồi nợ (gồm gốc, lãi và phí liên quan). Trường hợp Hai Bên chưa có thỏa thuận cụ thể, mức phí dịch vụ mặc định được áp dụng là 3% x (nhân) số tiền thực thu hồi nợ (gồm gốc, lãi và phí liên quan).
- 2.2 Phí dịch vụ theo quy định của Hợp đồng này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và các chi phí liên quan đến quá trình xử lý khoản nợ phải nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (án phí, phí thi hành án...) và các chi phí liên quan đến phát mại, bán đấu giá tài sản bảo đảm... hoặc dịch vụ mua ngoài (thuê luật sư, tư vấn hỗ trợ thu nợ... (nếu có). Trường hợp phát sinh nhu cầu cần thiết phải sử dụng dịch vụ thuê ngoài vượt hạn mức phê duyệt của AMC tại Điều 6 Hợp đồng này, AMC phải được NCB chấp thuận trước khi triển khai.

ef

- 2.3 Quy trình và thời hạn đối soát kết quả, báo cáo công nợ định kỳ:
- a. Trước ngày mùng 5 của tháng T+1, AMC gửi Danh mục kết quả hoàn thành công việc của các cán bộ xử lý nợ trong tháng T;
 - b. Trước ngày mùng 10 của tháng T+1, Kế toán NCB gửi Báo cáo công nợ liên quan đến hoạt động xử lý nợ để AMC rà soát;
 - c. Trước ngày mùng 15 của tháng T+1, AMC thực hiện xác nhận công nợ với NCB trên cơ sở số liệu Hai Bên đã đối chiếu.
- 2.4 Hồ sơ thanh toán phí dịch vụ bao gồm các tài liệu sau:
- a. Đề nghị thanh toán;
 - b. Danh mục bàn giao khoản nợ từ NCB sang AMC (*Biểu mẫu BM03/QĐ.TD.XXX*);
 - c. Biên Bản nghiệm thu xác nhận kết quả khoản nợ (*Biểu mẫu BM06/QĐ.TD.XXX*);
 - d. Biên bản thanh lý các khoản nợ đã thu hồi (*Biểu mẫu BM07/QĐ.TD.XXX*);
 - e. Thông báo chuyển giao/ phân luồng khoản nợ của NCB hoặc các văn bản, thông báo tương đương (*Theo phê duyệt từng thời kỳ của NCB*);
 - f. Các hóa đơn tài chính hợp lệ;
 - g. Các chứng từ hợp lý, hợp lệ khác (nếu có).
- 

PHỤ LỤC 02
PHẠM VI ỦY QUYỀN CHO AMC PHÊ DUYỆT XỬ LÝ NỢ
(Kèm theo Hợp đồng nguyên tắc ủy quyền xử lý nợ)
Số: 763 /2026/HDNT.XLN/NCB-AMC

ĐIỀU 1. NGUYÊN TẮC ỦY QUYỀN

1.1. Các Bên thống nhất việc phân định thẩm quyền phê duyệt xử lý nợ trong hoạt động xử lý nợ được thực hiện trên cơ sở:

- a. Phù hợp với quy định pháp luật và quy định nội bộ của NCB;
- b. Đảm bảo kiểm soát rủi ro, an toàn hoạt động của NCB;
- c. Tăng cường tính chủ động, linh hoạt và hiệu quả trong hoạt động xử lý nợ của AMC.

1.2. NCB ủy quyền cho AMC một phần thẩm quyền phê duyệt xử lý nợ đối với các Khoản nợ được chuyển giao, trong phạm vi và giới hạn quy định tại Phụ lục này. Theo đó, AMC được quyền phê duyệt xử lý nợ và quyết định triển khai các biện pháp xử lý nợ đối với các Khoản nợ được chuyển giao trong phạm vi thẩm quyền quy định tại Phụ lục này.

1.3. Việc thực hiện thẩm quyền của AMC theo Phụ lục này không làm thay đổi quyền và trách nhiệm của NCB đối với các Khoản nợ theo quy định của pháp luật.

1.4. Giám đốc AMC hoặc người được Giám đốc AMC ủy quyền hợp pháp là người có thẩm quyền phê duyệt xử lý nợ và quyết định triển khai các phương án xử lý nợ thuộc phạm vi nêu trên.

1.5. AMC không được tự ý thực hiện các biện pháp xử lý nợ vượt thẩm quyền được ủy quyền theo Phụ lục này.

ĐIỀU 2. NỘI DUNG VÀ GIỚI HẠN THẨM QUYỀN CỤ THỂ

STT	Nội dung	AMC
1	Phê duyệt các biện pháp XLN liên quan đến TSBĐ	
1.1	Thu giữ/nhận bàn giao TSBĐ	Tất cả các khách hàng có tổng số dư nợ CTD ≤ 100 tỷ đồng
1.2	Xử lý TSBĐ (Bán TSBĐ, khách hàng/bên thứ ba nộp tiền giải chấp TSBĐ, thay thế TSBĐ...) và các biện pháp xử lý nợ XLN khác liên quan đến TSBĐ	Bán TSBĐ với tất cả các khách hàng có tổng số dư nợ CTD ≤ 100 tỷ đồng: Đảm bảo thu đủ nợ gốc, lãi <i>Cho phép áp dụng kèm biện pháp miễn giảm phí đảm bảo số tiền miễn giảm tối đa thỏa mãn quy định tại Mục 4 Phụ lục này</i>



[Handwritten signature]

STT	Nội dung	AMC
2	Biện pháp XLN thông qua tố tụng	Tất cả các khách hàng có tổng số dư nợ CTD ≤ 100 tỷ đồng: <ul style="list-style-type: none"> - Đối với biện pháp bán TSBĐ qua cơ quan THA: Đảm bảo thu đủ nợ gốc - Đối với biện pháp khách hàng/bên thứ ba nộp tiền giải chấp TSBĐ qua cơ quan THA: Đảm bảo thu đủ nợ gốc, lãi <p><i>Cho phép áp dụng kèm biện pháp miễn giảm phí đảm bảo số tiền miễn giảm tối đa thoả mãn quy định tại Mục 4 Phụ lục này</i></p>
3	Thay đổi thứ tự thu nợ (gốc, lãi, phí) đảm bảo tuân thủ quy định NHNN	Tất cả các khách hàng có tổng số dư nợ CTD ≤ 100 tỷ đồng
4	Phê duyệt miễn giảm lãi, phí	Tất cả các khách hàng có tổng số dư nợ CTD ≤ 100 tỷ đồng, đảm bảo tổng số tiền miễn giảm: <ul style="list-style-type: none"> - Tối đa 50% tổng nợ lãi, phí của khách hàng và không vượt quá 500 triệu đồng, hoặc - Tối đa 100% tổng nợ lãi, phí của khách hàng và không vượt quá 200 triệu đồng.

ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM CỦA AMC

3.1. Tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật, quy định nội bộ của AMC và các quy định/yêu cầu có liên quan của NCB (nếu có).

3.2. Đảm bảo việc phê duyệt xử lý nợ và triển khai xử lý nợ đúng phạm vi ủy quyền theo quy định tại Phụ lục này, đúng mục đích và hiệu quả.

3.3. Chịu trách nhiệm trước NCB về các quyết định phê duyệt theo quy định tại Phụ lục này (Bao gồm cả trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh liên quan đến quyết định của AMC).

3.4. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho NCB về tình hình thực hiện thẩm quyền theo yêu cầu.

ĐIỀU 4. QUY ĐỊNH KHÁC

Phụ lục này là một phần không tách rời của Hợp đồng nguyên tắc ủy quyền xử lý nợ.